

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 166/2007/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư và hưởng lợi đối với hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn và các tổ chức tham gia dự án “Phát triển lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây Nguyên”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Hiệp định vay số 2269-VIE(SF) ngày 07 tháng 12 năm 2006 giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cho Dự án “Phát triển lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây Nguyên”;

Căn cứ Quyết định số 813/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án Phát triển lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định chính sách hỗ trợ đầu tư và hưởng lợi đối với hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn, ban quản lý rừng, lâm trường, công ty lâm nghiệp, các doanh nghiệp vừa và nhỏ được giao rừng và đất lâm nghiệp (sau đây gọi chung là chủ rừng) để trồng rừng, bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, nông lâm kết hợp, cải tạo vườn tạp theo Dự án Phát triển lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây Nguyên (dự án FLITCH) tại các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng và Phú Yên.

Điều 2. Nguồn kinh phí để hỗ trợ đầu tư

Nguồn kinh phí hỗ trợ đầu tư cho các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng được lấy từ nguồn vốn vay ODA của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và vốn đối ứng từ ngân sách nhà nước; nguồn kinh phí đảm bảo cho các hỗ trợ kỹ thuật khác được sử dụng từ nguồn Quỹ Ủy thác cho ngành lâm nghiệp (TFF) và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam dành cho dự án.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ đầu tư

Chủ rừng được hỗ trợ kinh phí bằng tiền Việt Nam được quy đổi từ mức hỗ trợ tương đương Đô la Mỹ (viết tắt là USD) theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm thanh toán như sau:

1. Đối với rừng đặc dụng

Dự án giúp đỡ các khu bảo tồn về đa dạng sinh học có mức độ ưu tiên cao tiếp cận với nguồn vốn của Quỹ bảo tồn Việt Nam để hỗ trợ kinh phí tiến hành các biện pháp bảo tồn ở trong và xung quanh các khu đặc dụng theo kế hoạch đầu tư của dự án khả thi được duyệt; thiết kế dự toán do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Đối với rừng phòng hộ

a) Bảo vệ rừng: mức hỗ trợ bình quân tương đương 7 USD/ha/năm.

b) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh:

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh không trồng bổ sung: mức hỗ trợ bình quân tương đương 15 USD/ha/năm.

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung: hỗ trợ bình quân tương đương 200 USD/ha đối với năm đầu tiên để trồng bổ sung, hai năm tiếp theo hỗ trợ tương đương 30 USD/ha/năm, sau đó hỗ trợ tương đương 15 USD/ha/năm đối với những năm còn lại.

Mức hỗ trợ và thời gian thực hiện cụ thể đối với từng hạng mục trên do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Trồng rừng mới tập trung: mức hỗ trợ bình quân tương đương 500 USD/ha.

Căn cứ hiện trạng đất của từng khu vực và loài cây trồng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định suất đầu tư; thời gian thực hiện đối với từng hạng mục hỗ trợ đầu tư.

3. Đối với rừng sản xuất.

- Đối với hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn: mức hỗ trợ bình quân tương đương 500 USD/ha đối với trồng tập trung bằng cây mọc nhanh; 300 USD/ha đối với trồng rừng theo phương thức nông lâm kết hợp; 70 USD/ha đối với trường hợp cải tạo vườn tạp.

- Đối với các tổ chức: mức hỗ trợ bình quân tương đương 400 USD/ha đối với trồng rừng tập trung bằng cây mọc nhanh.

Mức đầu tư cụ thể đối với từng loài cây, từng khu vực do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 4. Chính sách hưởng lợi

1. Đối với rừng đặc dụng

Chủ rừng được sử dụng hợp lý tài nguyên tự nhiên trong rừng đặc dụng theo quy định trong Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng.

2. Đối với rừng phòng hộ

a) Rừng phòng hộ là rừng tự nhiên (kể cả rừng được khoanh nuôi xúc tiến tái sinh).